

Bản án số: 197/2017/HS-PT

Ngày: 15-11-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2017/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 52/2017/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn P, sinh năm: 1991. Nơi ĐKTT: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn L và bà Ngô Thị H; vợ: Danh Thị V và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:

Luật sư **Thái Đức Gia** – Văn phòng luật sư Thụy Quyên – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hữu A và người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sự việc phát sinh từ việc Trần Văn S trú ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nhiều lần điều khiển xe ngang nhà Nguyễn Hữu A nhiều lần nẹt pô, nên

xảy ra mâu thuẫn giữa S và A. Đến khoảng 16 giờ, ngày 01/01/2017 S điều khiển xe đi từ hướng xã B về xã G ngang nhà Hữu A tiếp tục net pô. Tức giận Hữu A liền điện thoại cho P hay là S chạy xe ngang nhà net pô nữa rồi, lúc này P đang đi làm, P kêu A đón S ở trước đi lát nữa P chạy về. Sau khi đi làm về nhà, P chạy vào buồng lấy 01 cây dao tự chế đã chuẩn bị sẵn để đón đánh S. P điều khiển xe xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 68C1-236.17 chạy đến nhà A để đánh S. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày S điều khiển xe mô tô chở Trần Quốc T trú xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và Nguyễn Văn L trú thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đi từ hướng đầu lộ xã G về xã B. Khi S điều khiển xe đến cầu Sáu N thuộc ấp T, xã G thì gặp A, P cùng với Nguyễn Thanh P và Danh K đang đứng dưới dốc cầu. Khi S điều khiển xe ngang qua thì A lấy cục đất chọi trúng vào tay của S, S tăng ga điều khiển xe tiếp tục chạy đi. Lúc này P điều khiển xe hiệu Sirius biển kiểm soát 68C1-236.17 chở A, còn K điều khiển xe chạy theo sau. P cầm theo 01 con dao tự chế lưỡi bằng kim loại dài 70cm, A cầm 01 cây dao tự chế kiểu cánh bướm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 5,4cm đã chuẩn bị từ trước đuổi theo S. S điều khiển xe chạy khoảng 2km thì đến nhà ông Trần Văn L trú ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nhà bà con của S), S định vào nhà ông L trốn nhưng chưa kịp thì bị nhóm của A và P chạy tới. Lúc này A dùng dao chém S, S đưa tay phải lên đỡ và bị trúng vào tay, S la lên “cướp xe” và chạy về phía nhà ông L bẻ cây sào để đánh lại A, P dùng dao chém nhiều nhất vào lưng anh T. Do S tri hô nên A và P lên xe chạy về cất hung khí ở nhà anh Phạm Văn N trú ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Riêng S sau khi bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu. Qua làm việc P thừa nhận hành vi phạm tội, riêng Hữu A bỏ trốn đến ngày 30/5/2017 thì bị bắt theo lệnh truy nã của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 82/TgT ngày 16/2/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích của Trần Văn S tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương gây nên hiện tại là 20%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 83/TgT ngày 16/2/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích của Trần Quốc T tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương gây nên hiện tại là 08%.

Về vật chứng trong vụ án: 01 cây dao tự chế, cán bằng gỗ, lưỡi kim loại màu trắng dài 70cm; 01 cây dao tự chế kiểu cánh bướm, cán bằng gỗ, lưỡi kim loại dài 54cm; 01 điện thoại hiệu Nokia.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn P** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn P 09 (chín) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Nguyễn Hữu A 01 năm tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/8/2017, bị cáo Trần Văn P có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo với lý do: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha bị tai biến, mẹ già, con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm bào chữa của luật sư Thái Đức Gia:

Thứ nhất, về áp dụng điều luật, cấp sơ thẩm không áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về có lợi cho bị cáo là sai sót, đề nghị xem xét lại. Thứ hai, về vấn đề đồng phạm, bị cáo P không đồng phạm, bị cáo P chỉ gây thương tích cho T 8% nên bị cáo chỉ vi phạm vào khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo P gia đình có công với cách mạng, người bị hại xin giảm án cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo P có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn P về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Do người bị hại Trần Văn S nhiều lần điều khiển xe net bô chạy qua nhà của Nguyễn Hữu A nên bị cáo Trần Văn P và Nguyễn Hữu A rủ nhau chặn đường xe của S để đánh. Vào ngày 01/01/2017, bị cáo Phương và Hữu A mỗi người chuẩn bị một cây dao tự chế đi tìm S. Tại nhà của ông Trần Văn L ở ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang, bị cáo Trần Văn P và Nguyễn Hữu A đã có hành vi dùng dao tự chế gây thương tích cho người bị hại Trần Văn S và Trần Quốc T. Hậu quả người bị hại Trần Văn S bị thương tích 20%, Trần Quốc T bị thương tích 08%. Hành vi của bị cáo Trần Văn P là đồng phạm với Nguyễn Hữu A về việc gây thương tích cho những người bị hại. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo P về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng quy định của pháp

luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không áp dụng điều luật đồng phạm và điều luật có lợi cho bị cáo của bộ luật hình sự năm 2015 là có phần thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo là vô cớ, tập trung nhiều tình tiết định khung như “dùng hung khí nguy hiểm”, “có tính chất côn đồ”. Mặc dù bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ cho bị cáo, có cân nhắc hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là nhẹ so với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội cho nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận quan điểm bào chữa của vị luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho bị cáo Trần Văn Phương là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận lời bào chữa của vị luật sư và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của TANDTC.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn P 09 (chín) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 52/2017/HS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM.
- TAND cấp cao tại TPHCM.
- VKSND tỉnh.
- Trại tạm giam KG.
- Sở tư pháp
- TAND huyện
- THA huyện
- VKSND huyện
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến